

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2020/DS-ST**
Ngày 28 tháng 7 năm 2020
V/v: “*Tranh chấp tài sản thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Kiều Công Ích;

2. Ông Phùng Văn Thị.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Anh Tú** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp “*Tranh chấp tài sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-DS ngày 17/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Thị M, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Ông Tô Văn S, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn bà Tô Thị M trình bày:**

Mẹ bà là Trần Thị K có sinh được hai anh em bà là Tô Văn S sinh năm 1967 và Tô Thị M sinh năm 1969. Khi còn sống cụ K có 01 thửa đất số 188a, tờ bản đồ số 2 thuộc khu 1 xã Q (nay là khu Đ, xã Q), huyện T, tỉnh Phú Thọ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2002 cụ K mất, không để lại di chúc. Sau khi cụ K mất, việc ma chay gia đình đã lo xong. Đất của cụ K ông S đứng ra quản lý. Năm 2019 bà yêu cầu ông S chia thừa kế phần đất cụ K để lại, bà đã đồng ý theo ông S chia, nhưng do ông S không hợp tác khi cán bộ đến đo đạc nên bà phải làm đơn đến Tòa án. Nay bà yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ K để lại là 2.818m² đất thuộc thửa 188a, tờ bản đồ số 2. Đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S534001 ngày 28/12/2000 mang tên Trần Thị K có địa chỉ: Khu 1 xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Bà thừa nhận các cây cối

trên đất cụ K như keo, xoan, chè là ông S trồng. Các cây cối của cụ K ông S đã chặt hết và khi ông S chặt bà không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Bà thừa nhận diện tích đất cụ K để lại theo biên bản đo thực tế ngày 21/4/2020 và không có tranh chấp với đất của các hộ liền kề. Tại phiên tòa bà đề nghị HĐXX phân chia sau đó rút yêu cầu đối với các vấn đề bổ xung gồm: Phần đất nông nghiệp mẹ bà đã cho bà canh tác từ khi cụ còn sống; yêu cầu chia thừa kế giá trị ngôi nhà gỗ của cụ K đã bị ông S dỡ bán mất sau khi cụ K mất nhưng bà không biết ông S bán cho ai được bao nhiêu tiền. Bà M không thừa nhận việc ông S đã chia cho bà một phần tiền đền bù lấy đất làm đường và cột điện đi qua trên đất. Bà M khẳng định chỉ đề nghị chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 188a, tờ bản đồ 02 thuộc khu Đ, xã Q. Tại phiên tòa bà nhất trí thanh toán cho ông S giá trị cây chè theo giá Hội đồng định giá quyết định đối với phần cây chè ông S đã trồng trên phần đất bà được chia.

Bị đơn là ông Tô Văn S trình bày:

Ông thừa nhận mẹ ông là Trần Thị K, có sinh được hai con là S và M Khi còn sống cụ có tài sản là thửa đất số 188a, tờ bản đồ số 2 diện tích 2.818m² thuộc khu 1 xã Q (nay là khu Đ, xã Q), huyện T, tỉnh Phú Thọ, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2002 cụ K mất, không để lại di chúc. Việc ma chay cho cụ do ông lo, ông tự nguyện và không yêu cầu bà M phải đóng góp, ông không xút trình được căn cứ việc ông lo toàn bộ ma chay cho cụ K. Sau khi cụ chết, đất của cụ do ông quản lý, ông đã trồng chè và đóng thuế hàng năm. Nay bà M yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ K theo quy định của pháp luật, ông đồng ý. Ông không yêu cầu bà M phải thanh toán lại chi phí ma chay, không phải thanh toán lại tiền thuế đất ông đã nộp từ năm 2003 đến nay. Ông nhất trí bà M yêu cầu chia đất như thế nào cũng được, đối với phần cây chè do ông trồng mà phần đất của bà M được chia đến đâu phải thanh toán lại cho ông theo quy định. Đối với các cây xoan, keo mà ông trồng, ông không yêu cầu định giá và đồng ý tự chặt nếu thuộc diện tích đất bà M được chia. Ông nhận diện tích đất cụ K để lại theo biên bản đo thực tế ngày 21/4/2020 và không có tranh chấp với đất của các hộ liền kề. Ông thừa nhận ông đã nhận tiền đền bù, hỗ trợ đối với việc lấy đất làm đường, cột điện, đã chia cho bà M một phần nhưng không có chứng cứ là đã chia. Ông không có ý kiến gì về việc bà M yêu cầu rồi lại rút yêu cầu giải quyết phần đất ruộng của cụ K mà bà M đang canh tác.

Tại biên bản thẩm định ngày 18/6/2020, đại diện chính quyền, khu dân cư Đ, địa chính xã Q thừa nhận đất của cụ K để lại bao gồm cả phần đất tăng thêm không có tranh chấp với các hộ liền kề.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo quy định pháp luật nhưng các bên đương sự vẫn không thống nhất được các nội dung trong vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba có quan điểm: Việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, thư ký, HĐXX, các đương sự là đúng pháp luật, Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu của bà Tô Thị M về việc chia tài sản thừa kế đối với thửa đất số 188a, tờ bản đồ số 02 thuộc khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ đã được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Trần Thị K. Áp dụng điều 649, điểm a khoản 1 điều 650, điểm a khoản 1 điều 651, điều 660 Bộ luật dân sự 2015 Xử: Giao cho ông Tô Văn S được quản lý, sử dụng 1.409m² đất (trong đó có 200m² đất ở, 1.209m² đất vườn) thuộc thửa đất số 188a, tờ bản đồ số 2 tại khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ trị giá 191.469.800đ. Giao cho bà Tô Thị M được quản lý, sử dụng 1.409m² đất (trong đó có 200m² đất ở, 1.209m² đất vườn) thuộc thửa đất số 188a, tờ bản đồ số 2 tại khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ trị giá 191.469.800đ. Tạm giao cho bà Tô Thị M sử dụng 777,3m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 188a, tờ bản đồ số 2 tại khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bà Tô Thị M có nghĩa vụ bồi thường cho ông Tô Văn S giá trị cây chè của ông S trồng trên phần đất giao cho bà M quản lý, sử dụng. Ông Tô Văn S có nghĩa vụ tự chặt các cây xoan, keo thuộc phần đất chia cho bà M. Bà Tô Thị M và ông Tô Văn S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành báo gọi lấy lời khai, hòa giải giữa các đương sự. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Toà án đã Quyết định đưa vụ án ra xét là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các lời khai của các đương sự trong vụ án và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì tài sản yêu cầu chia thừa kế là thửa đất số 188a, tờ bản đồ số 2 diện tích 2.818m² (trong đó có 400m² đất ở, 2418m² đất vườn) thuộc khu 1 xã Q (nay là khu Đ, xã Q), huyện T, tỉnh Phú Thọ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị K, được các bên thừa nhận. Theo kết quả định giá tài sản thì diện tích đất này có trị giá là 382.939.600.đ (giá đất ở 400.000.đ/m², giá đất vườn 92.200.đ/m²). Cụ K chết năm 2002, không để lại di chúc. Sau khi cụ K chết, ông S là người quản lý đất của cụ K. Tranh chấp phát sinh do ông S, bà M không thống nhất trong các phân chia tài sản thừa kế.

Tại phiên tòa bà Tô Thị M, ông Tô Văn S lần lượt đưa ra yêu cầu bổ xung rồi rút yêu cầu đối với các vấn đề: Chia giá trị căn nhà của cụ K đã không còn, chia đất trồng lúa của cụ K hiện bà M sử dụng, Yêu cầu trả lại chi phí ma chay cho cụ K, tiền thuế đất ông đã nộp từ sau khi cụ K chết, công duy trì bảo quản tài sản nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu của bị đơn ông Tô Văn S: Ông nhất trí đề nghị Tòa án phân chia tài sản của cụ không là thửa đất số 188a, tờ bản đồ số 2 diện tích 2.818m² nay thuộc khu Đ, xã Q, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S534001 ngày 28/12/2000 mang tên Trần Thị K. Ông nhất trí đề nghị Tòa án chia theo đề nghị của bà M, nhưng yêu cầu bà M phải thanh toán lại cho ông giá trị cây chè ông đã trồng trên phần đất Tòa án sẽ giao cho bà M. Đối với các cây keo, xoan ông trồng nếu thuộc đất bà

M ông sẽ tự chặt. Đề nghị của ông S là chính đáng cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà Tô Thị M: Bà M đề nghị Tòa án chia thừa kế tài sản do cụ K để lại là thửa đất số 188a, tờ bản đồ số 2 diện tích 2.818m² nay thuộc khu Đ, xã Q, theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà M đồng ý bồi thường cho ông S giá trị cây chè mà ông S đã trồng nếu thuộc phần đất chia cho bà M theo giá do Hội đồng định giá đã quyết định. Yêu cầu chia thừa kế của bà M là đúng pháp luật, được chấp nhận. Bà M và Ông S đều thừa nhận cây cối trên đất cụ K để lại, sau khi cụ K chết do ông S trồng. Ông S không yêu cầu phân chia chi phí ma chay cho cụ K, tiền thuế ông đã nộp từ năm 2003 và công bảo quản, duy trì tài sản cụ K để lại nên HĐXX không xem xét giải quyết. Tại phiên tòa, bà M nhất trí bồi thường giá trị cây chè cho ông S theo giá Hội đồng định giá đã định giá.

Ông S và bà M nhất trí yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Ông S và bà M thừa nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ K gồm có ông S và bà M. Vì thế ông S và bà M được hưởng phần thừa kế tương đương là 1.409m² đất. Qua kiểm tra, đo thực tế, đất của cụ K có diện tích tăng thêm là 777,3m² tại một vị trí. Phần diện tích của cụ K được sử dụng và phần diện tích đất tăng thêm không có tranh chấp với các hộ dân liên kề. Vì thế khi chia thừa kế cần tạm giao cho một bên quản lý. Ông S thừa nhận ông đã nhận tiền hỗ trợ, đền bù lấy đất làm đường, xây cột điện của Công ty cổ phần xi măng xây trên đất cụ K và không có căn cứ ông đã chia cho bà M một phần từ số tiền này. Vì thế nghĩ nên chia cho ông S sử dụng phần diện tích đất có cột điện và chia cho bà M sử dụng phần diện tích đất còn lại là phù hợp. Do phần diện tích đất tăng thêm thuộc hoàn toàn bên vị trí đất sẽ chia cho bà M, nên tạm giao cho bà M sử dụng là phù hợp. Bà M có nghĩa vụ bồi thường giá trị cây chè cho ông S đối với phần diện tích bà được hưởng và tạm giao quản lý (đã trừ 200m² đất ở) là $1.986,3\text{m}^2 \times 80\% \times 13.100\text{đ}/\text{m}^2 = 20.816.424\text{đ}$.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật. Bà M còn phải chịu án phí đối với phần bồi thường giá trị cây chè cho ông S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 649, điểm a khoản 1 điều 650, điểm a khoản 1 điều 651, điều 660 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 5 điều 26, điều 147, điều 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị M về việc “Yêu cầu chia tài thừa kế” đối với thửa đất số 188a, tờ bản đồ số 2 thuộc khu Đ, xã Q, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S534001 ngày 28/12/2000 mang tên Trần Thị K.

Giao cho ông Tô Văn S được sở hữu và sử dụng 1.409m² đất (trong đó có 200m² đất ở, 1.209m² đất vườn) thuộc thửa đất số 188a, tờ bản đồ số 2 tại khu Đ, xã Q, huyện

T, tỉnh Phú Thọ trị giá 191.469.800đ (một trăm chín mươi một triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm đồng), có chỉ giới theo trích lục sơ đồ cụ thể là: 1,2,3,23,24....33,34,1. (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

Giao cho bà Tô Thị M được sở hữu và sử dụng 1.409m² đất (trong đó có 200m² đất ở, 1.209m² đất vườn) thuộc thửa đất số 188a, tờ bản đồ số 2 tại khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ trị giá 191.469.800đ (một trăm chín mươi một triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm đồng), có chỉ giới theo trích lục sơ đồ cụ thể là: 3,4....10,11,36,22,23,3 (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

Tạm giao cho bà Tô Thị M sử dụng 777,3m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 188a, tờ bản đồ số 2 tại khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ có chỉ giới theo trích lục sơ đồ cụ thể là: 11,12,13...21,22,36,11 (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

Bà Tô Thị M có nghĩa vụ bồi thường cho ông Tô Văn S giá trị cây chè của ông S trồng là 20.816.424đ (hai mươi triệu tám trăm mười sáu nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng).

Ông Tô Văn S có nghĩa vụ tự chặt các cây xoan, keo thuộc phần đất chia cho bà M.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì người bị yêu cầu còn phải trả cho người yêu cầu tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Về án phí:**

- Bà Tô Thị M phải chịu 10.614.000đ (Mười triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; Xác nhận bà M đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002054, ngày 17/2/2020 của Chi cục Thi hành án huyện Thanh Ba. Bà M phải nộp tiếp 10.314.000đ (Mười triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng).

Ông Tô Văn S phải chịu 9.573.000đ (chín triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS;
- Lưu AV,HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Lệ Thanh